

台北公館店、台北昆明店、台北中山店、台北武昌店、新店裕隆城、宜蘭羅東店

There is no credit card service in this restaurant · このレストランにはクレジットカードのサービスはありません

이 레스토랑은 신용카드 서비스가 없으며 · ไม่มีบริการบัตรเครดิตในร้านนี้ · Cửa hàng chúng tôi không có dịch vụ quẹt thẻ

	安格斯黑牛放題 Angus Beef.アンガス黒毛牛セット 블랙 앵커스 특선.บุฟเฟ่ต์เนื้อวัวพรีเมียม Bò đen Angus ăn thoải mái	特上和牛放題 Prime Wagyu.最高級和牛セット 최상급 와규 특선.บุฟเฟ่ต์เนื้อวัวพรีเมียม Bò Wagyu thượng hạng ăn thoải mái	極上三和牛放題 Premium Sannomiya Beef.極上三和牛 최상급 산노미야 소고기.เนื้อวัวญี่ปุ่นชั้นยอด Bò Sannomiya cao cấp ăn thoải mái
午餐 Lunch.ランチ.점심 อาหารกลางวัน. bữa trưa	698 NT.	798 NT.	898 NT.
晚餐 Dinner.ごはん.저녁 อาหารค่ำ. bữa tối	798 NT.	898 NT.	998 NT.
週六日 例假日 Weekends & Public Holiday.週末及公眾假 วันหยุดสัปดาห์และวันหยุดนักขัตฤกษ์ Thứ bảy, Chủ nhật và ngày nghỉ định kỳ			

兒童：半價
小一至小六

Child. (1st~6th grade elementary school.) Half-price.
子供 (小学校1~6年生) 半額
어린이 (초등학교 1~6학년) 반값
เด็กเล็ก (ระดับประถมศึกษาป.1 ถึง ป.6) ครึ่งราคา
Nhi đồng (Tiểu học từ lớp 1 đến lớp 6) Nửa giá

幼童：100
4~6歲

Child. (4~6years.) 100
子供 (4~6歳) 100
어린이 (4~6세) 100
เด็กวัยอนุบาล (4~6ขวบ) 100
Trẻ mẫu giáo (4~6 tuổi) 100

小童：免費
0~3歲

Baby. (0~3years.) Free.
赤ちゃん. (0~3歳) 無料
아기 (0~3세) 무료
เด็กวัยเร่ยน (0~3ขวบ) ฟรี
Trẻ nhỏ(0~3 tuổi) Miễn phí

基於安全考量，限一大配一小

For safety reasons, One adult is allowed to take one child along with.
安全上の理由から、大人一人につき小人一人のみとなります
안전을 위하여, 큰 한 명당 아동 한 명 할인 가능
ด้วยความปลอดภัย ผู้ใหญ่หนึ่งคนสามารถพาเด็กมาด้วยได้หนึ่งคน
Vì yếu tố an toàn, giới hạn một người lớn đi kèm với một trẻ nhỏ

1.吃到飽不可外帶 2.本店恕無刷卡服務 3.歡迎自帶飲料、酒類、免收開瓶費 4.須同桌同消費方式，10%清潔費另計 5.限2人開鍋，1成人開鍋酌加收開鍋費100元 6.浪費食物超過100g，每人加收食材費300元 7.用餐時間2小時，以訂位時間或第一人進場時間，擇先計算 8.每人每超過半小時內，加收100元超時費，以此類推，亦無法再加點9.平日遇政府機關公告之國定假日、彈性放假日與勞工放假日皆以假日價格計費 10.圖片及文字僅供參考，食材的產地、種類、等級、價格等，以門市當日進貨供應或手機點餐為準，食材有異動時，將以等值商品替代，恕不另行通知

1.All you can eat is not take-out. 2.There is no credit card service in this restaurant 3.Welcome to bring your own beverages, alcohol. Free corkage. 4.Need the same money, Additional 10% service fee. 5.Minimum 2 people for dining, Additional NT\$100 charge for one person. 6.Paying extra NT\$300 per person for Wasting more than 100g of food. 7.The meal time is 2 hours, based on the reservation time or the first person to enter the venue, whichever comes first. 8.Every more than half an hour per person, Paying extra 100 NTD, and so on. 9.On weekdays, national holidays, flexible holidays and labor holidays announced by government agencies are charged at the holiday price. 10.The pictures and text are for reference only. The origin, type, grade, price, etc. of the ingredients are subject to the same day's purchase supply and mobile phone ordering.

1.食べ放題はテイクアウトではありません 2.このレストランにはクレジットカードのサービスはありません 3.飲み物、アルコールの持ち込み歓迎、持ち込み料なし 4.同じお金額が必要、サービス料として別途10%の料金をいただきます 5.二人でのご利用に限ります。一人の場合、加算料金100円をいただきます 6.100g以上の食物を無駄にするために一人たりNT\$300の追加料金を支払う 7.食事時間は、予約時間または最初に会場に入った人のどちらか早い方に基づいて、2時間です 8.一人当たり、30分以上ごとにNT \$ 100を支払います、これで推定する 9.平日、国民の祝日、柔軟な祝日、政府機関が発表した労働者の祝日は、休日の料金で請求されます 10.写真・文章は参考です 食材の産地・種類・等級・価格等は即日仕入れ・携帯電話注文に限ります

1.테이크아웃만 가능합니다 2.이 레스토랑은 신용카드 서비스가 없으며 3.외부 음료수와 주류 반입이 가능하며, 추가비용 없음 4.나는 같은 돈이 필요해, 부가세 10% 별도 5.2인 이상 주문 가능, 1인 식사 시 100NT\$ 추가 6.음식물쓰레기 100g 초과시 1인당 NT\$300 추가 7.식사시간은 예약시간 기준 또는 가장 먼저 입장하는 사람 중 먼저 도래하는 시간 기준으로 2시간입니다 8.각 사람은 30분 이상마다 NT \$ 100을 더 지불합니다, 비슷한 방식 9.주중, 공휴일, 탄력적 공휴일 및 정부기관에서 고시하는 근로자의 공휴일은 공휴일 가격으로 부과됩니다 10.사진과 글은 참고용이며, 원재료의 원산지, 종류, 등급, 가격 등은 당일 구매 및 휴대폰 주문에 따릅니다

1.ทานได้ไม่อั้นแต่ไม่มีบริการห่อกลับ 2.ขออภัยที่ ทางร้านไม่มีการให้บริการชำระด้วยบัตรเครดิต 3.ทานสามารถเตรียมเครื่องดื่มและแอลกอฮอล์ มาได้เองไม่คิดค่าบริการสำหรับการเปิดขวด 4.ทุกคนที่ใช้บริการโต๊ะเดียวกันจำเป็นต้องจองล่วงหน้าโดยราคาไม่รวมค่านักงานบริการเพิ่ม 10% 5.จำกัด 2 คนถึงเปิดหม้อได้ กรณีที่ ผู้ใหญ่ 1 คน จองการเปิดหม้อ คิดค่าเปิดหม้อเพิ่ม 100 เหรียญต่อ หม้อ 6.กรณีที่ สั่งอาหารแล้ว ของเหลือทานไม่หมดเกิน 100 กรัม คิดค่าวัตถุดิบเพิ่ม 300 เหรียญต่อ หม้อต่อคน 7.ระยะเวลาในการทานอาหารคือ 2 ชั่วโมงโดยยึดระยะเวลาที่ ทำการสั่งจองหรือเวลาที่ เขามาใช้ บริการสถานเป็นเวลาเกณฑ์ เริ่มต นในการนับเวลา 8.กรณีที่ ทานอาหารเกินจากเวลาที่ กำหนด คิดค่าล่วงเวลาทุกครั้ง ชั่วโมง 100 เหรียญต่อ หม้อ บวกเพิ่มไปเรื่อยๆ ตามนี้ 9.หากวันธรรมดาตรงกับวันหยุดประจำชาติ หรือวันหยุดแบบยืดหยุ่นตามที่ หน่วยงานภาครัฐกำหนด และเป็นวันหยุดของแรงงาน คิดบริการตามราคาวันหยุด 10.รูปภาพและตัวหนังสือขอ อความใจ เพื่ อการอ างอิงเท่านั้น สำหรับแหล่งที่มาของวัตถุดิบอาหาร ประเภท เกรด ราคาและอื่น ๆ ให้ ยึดปริมาณการสั่งวัตถุดิบ และการสั่งซื อผ่านทางโทรศัพท์มือถือในวันนั้น เป็นหลักกรณีที่ วัตถุดิบอาหารมีการเปลี่ยนแปลง การใดควรจะทำ การทดแทนด ้วยผลิตภัณฑ์ ที่ มีค่าเท่าเดียวกัน ขออภัยที่ ทำการประกาศแจ้ง เตือนอีกต่างหาก

1.Ăn thoải mái, không được mang đồ về 2.Cửa hàng chúng tôi không có dịch vụ quẹt thẻ 3.Hoan nghênh tự mang theo đồ uống, rượu bia, miễn thu thêm phí mở nắp chai 4.Phải cùng bàn và cùng phương thức tiêu dùng, tính thêm phí vệ sinh 10% 5.Giới hạn 2 người gọi lẩu, 1 người lớn gọi lẩu sẽ thu thêm phí lẩu 100 Đài tệ 6.Lãng phí đồ ăn quá 100g, mỗi người sẽ bị thu thêm phí đồ ăn 300 Đài tệ 7.Thời gian dùng bữa là 2 tiếng, được tính theo thời gian đặt chỗ hoặc thời gian người đầu tiên vào bàn, tính theo điều kiện nào xảy ra trước 8.Mỗi người cứ quá mỗi nửa tiếng, sẽ bị thu thêm phí quá giờ 100 Đài tệ, cứ thế suy ra, và không được gọi thêm món. 9.Ngày thường nhằm vào ngày lễ theo luật định, ngày nghỉ linh hoạt và ngày nghỉ lao động được Cơ quan chính quyền thông báo, đều sẽ tính theo giá ngày lễ. 10.Hình ảnh và chữ chỉ để tham khảo, nơi sản xuất, chủng loại, cấp độ, giá cả của nguyên liệu món ăn phụ thuộc vào nguồn cung cấp trong ngày của cửa hàng hoặc đặt hàng trên điện thoại di động làm chuẩn, nếu có thay đổi về nguyên liệu sẽ được thay thế bằng sản phẩm có giá trị tương đương mà không cần thông báo trước.

國際旅客來台指定餐廳

Designated restaurant for international tourists

ร้านอาหารที่นักท่องเที่ยวต่างชาติ มาได้ หมดแล้ว หมดไป

国际旅客来台指定餐厅

Nhà hàng được du khách quốc tế chỉ định khi đến Đài Loan

國際旅客の指定するレストラン

외국 관광객 지정 레스토랑



經典湯頭六選二

經典麻辣鍋

Spicy Hot Pot

激辛鍋

중국식 매운찌개

น้ำซุปรหมาลาสุดคาลาสลิก

Lẩu cay cổ điển



(內含牛肉、黃豆及中藥、過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains beef, soy bean, and Chinese herbs, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy.

牛肉、大豆、漢方を含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

소고기, 황두 및 한약재 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของเนื้อวัว ถั่วเหลืองและยาจีน ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa thịt bò, đậu nành và thuốc Bắc, tạng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：老薑、大蒜、青花椒、大紅袍、朝天椒、辣椒粉、黑豆瓣、蒜苗、白豆蔻、燈籠椒、鹽、糖、醬油、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白)、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)

◎ 內含黃豆及中藥過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

膠原蛋白鍋

Collagen Hot Pot

コラーゲンタンパク鍋

콜라겐 샤브샤브

น้ำซุปรคอลลลาเจน

Lẩu collagen



(內含中藥及海鮮、過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains Chinese herbs and seafood, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy.

漢方、海鮮を含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

한약재 및 해산물 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของยาจีนและอาหารทะเล ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa thuốc Bắc và hải sản, tạng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗、鹽、糖、醬油、魚膠、洋菜粉(龍鬚菜、石花菜、海藻抽取物)、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白)、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)

◎ 內含中藥及海鮮過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

東北酸菜鍋

Pickled Chinese Cabbage Hot Pot

白菜の酢漬け鍋

동북지역 절인

น้ำซุปรผักกาดดอง

Lẩu dưa chua Đông Bắc

(蛋奶素可)

Ovo-Lacto Vegetarian

卵乳素可

난유 채식 가능

เหมาะสำหรับมังสวิรัต

có thể dùng cho người ăn chay có chứa trứng, sữa



成份：西芹、老薑、玉米、番茄、鹽、糖、醬油、酸白菜、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白)、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)

蔬菜精力鍋

Vegetable Energy Soup

ベジタブル精力鍋

야채 웰빙샤브샤브

น้ำซุปรผักรวมมิตร

Lẩu năng lượng rau củ



(蛋奶素可、內含中藥、過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Ovo-Lacto Vegetarian, contains Chinese herbs, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy

漢方入りベジタリアンメニュー、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

난유 채식 가능, 한약재 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

สำหรับผู้ ที่รับประทานอาหารที่ไม่มีไข่และนมได้ อาจมีส่วนผสมของยาจีน กรุณาพิจารณาอาการการใช่ สำหรับผู้ ที่มโรคภูมิแพ้ และผู้ หญิงที่ ตั้ง ครรภ์

có thể dùng cho người ăn chay có chứa trứng, sữa, có chứa thuốc Bắc, tạng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗、鹽、糖、醬油、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白)、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)

◎ 內含中藥過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

港式花雕雞

Shaoxing Wine Chicken Hot Pot

鶏肉の紹興酒煮込み

소흥 닭고기 조림

น้ำซุปรไก่ฮัวเตียวจิ่ว

Lẩu gà Hua Diao kiếu Hong Kong



(內含中藥及酒類、過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains Chinese herbs and alcohol, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy.

漢方、アルコールを含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

한약재 및 주류 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของยาจีนและเครื่องดื่มแอลกอฮอล์ ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa thuốc Bắc và rượu, tạng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗、黃耆、蔥白、蔥綠、紹興酒、花雕酒、鹽、糖、醬油、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白)、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)

◎ 內含中藥及酒類過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

卜卜蜆雞腿鍋

Garlic Clam Chicken Hot Pot

ガーリッククラムチキン鍋

갈릭 조개 치킨 전골

น้ำซุปรหอยเสียบกับน่องไก่

Lẩu nghêu đùi gà



(內含蒜頭、海鮮及酒類、過敏體質及孕婦請斟酌食用)

Contains garlic, seafood, and alcohol, please consume with care for those with allergic constitution and pregnancy

ニンニク、海鮮、アルコールを含む、アレルギーをお持ちの方、妊婦の方は、お召し上がりの際にご注意ください

마늘, 해산물 및 주류 포함,알레르기성 체질 및 임신부는 섭취에 주의하십시오

มีส่วนผสมของกระเทียม อาหารทะเล และเครื่องดื่มแอลกอฮอล์ ผู้ที่เป็นโรคภูมิแพ้ และสตรีมีครรภ์ ควรพิจารณาให้ ถัด วนก่อนทาน

có chứa tỏi, hải sản và rượu, tạng người dị ứng và phụ nữ có thai nên cân nhắc khi dùng

成份：蛤蜊、雞腿肉、蒜頭、蔥白、蔥綠、西芹、老薑、玉米、番茄、枸杞、紅棗、鹽、糖、醬油、香菇風味粉(鹽、麥芽糊精、香菇抽出物、葡萄糖、酵母抽出物、乳清蛋白)、調味劑(L-麩酸鈉、DL-胺基丙酸、5'-次黃嘌呤核苷磷酸二鈉、5'-鳥嘌呤核苷磷酸二鈉、胺基乙酸、琥珀酸二鈉)

◎ 內含中藥、海鮮及酒類過敏原，過敏體質及孕婦請斟酌食用

嚴選肉品

meat
肉
고기
เนื้อ
thịt

極上三和牛

Premium Sannomiya Beef 極上三和牛
최상급 산노미야 소고기.เนื้อวัวญี่ปุ่นชั้นยอด
Bò Sannomiya cao cấp ăn thoải mái

午餐898
晚餐998

特上和牛放題

Prime Wagyu.最高級和牛セット
최상급 와규 특선.บุฟเฟ่ต์เนื้อวากิว
Bò Wagyu thượng hạng ăn thoải mái

午餐798
晚餐898

安格斯黑牛放題

Angus Beef.안格斯黑毛牛セット
블랙 앵커스 특선.บุฟเฟ่ต์เนื้อแองกัส
Bò đen Angus ăn thoải mái

午餐698
晚餐798



美國SRF極黑和牛霜降/4片 (最佳食用熟度3分)

US SRF Marbled Wagyu Beef/4 slices
アメリカ産SRF和牛霜降/4枚
미국산 SRF 흑우 와규/4 조각
เนื้อแบบลิควากิว SRF เกรดพรีเมียมจากอเมริกา / 4 ชิ้น
Thịt vân mỡ bò Wagyu cực kỳ đen SRF Hoa Kỳ/4 lát



美國SRF極黑和牛雪花/4片 (最佳食用熟度3分)

US SRF Wagyu Beef Snowflake/4 slices
アメリカ産SRF極黑和牛雪花/4枚
미국산 SRF 흑우 와규/4 조각
เนื้อแบบลิควากิว SRF เกรดพรีเมียมจากอเมริกา / 4 ชิ้น
Thịt mỡ giắt Wagyu cực đen SRF Hoa Kỳ/4 lát



紐澳特級牛舌/4片 (須熟食)

N.Z. and Australia Ox Tongue/4 slices
ニュージーランドとオーストラリア産牛タン/4枚
뉴질랜드와 호주 우설/4개
สันวัวเกรดพรีเมียมจากออสเตรเลีย / 4 ชิ้น
Lưỡi bò cao cấp Úc / 4 lát



巨大海虎蝦/2隻

Giant Grass Shrimp XL /2 ships
大海老 XL /2尾
풀 새우 XL /2 마리
กุ้งหญ้า XL / 2 ชิ้น
Tôm sú hoang dã XL / 2 con



阿根廷天使紅蝦/2隻

Argentina Prawn/2 ships
アルゼンチン赤海老/2尾
아르헨티나 빨간새우/2 마리
กุ้งแดงเจลจากอาร์เจนตินา / 2 ชิ้น
Tôm đỏ thiên thần Argentina / 2 con



澳洲黑毛和牛M6~M9+/4片 (最佳食用熟度3分)

AU. M6~M9+ Wagyu/4 slices
ออสเตรเลีย産和牛M6~M9+/4枚
AU. M6~M9+ 와규/4개
เนื้อแบบลิควากิวจากออสเตรเลีย M6 ~ M9+ / 4 ชิ้น
Bò Wagyu đen Úc M6~M9+ / 4 lát



美國Choice無骨牛小排(骨)/4片 (最佳食用熟度7分)

Boneless Chuck Short Ribs/4 slices
チャック・ショート・リブ、骨なし/4枚
육심 쇼트 리브, 뼈제거/4사 조각
เนื้อแบบลิควากิวจากออสเตรเลีย M6 ~ M9+ / 4 ชิ้น
Sườn non bò rút xương Choice Hoa Kỳ (vai) / 4 lát



A級松阪豬(丹麥·荷蘭·西班牙)/4片 (須熟食)

A-Grade Matsusaka Pork/4 slices
Aグレード霜降り豚肉/4枚
A급 함정살/사 조각
สันคอหมูเกรด A / 4 ชิ้น
Thịt heo Matsusaka hạng A / 4 lát



阿拉伯藍鑽蝦/2隻

Arabian Blue Diamond Shrimp/2 ships
アラビアブルーダイヤモンドシュリンプ/2尾
아라비안 블루 다이아몬드 새우/2 마리
กุ้งเพชรสีน้ำเงินอาหรับ/ 2 ชิ้น
Tôm kim cương xanh Ả Rập



鮮甜大草蝦/2隻

Giant Grass Shrimp L /2 ships
大海老 L /2尾
풀 새우 L /2 마리
กุ้งหญ้า L / 2 ชิ้น
Tôm sú hoang dã L / 2 con



美國CAB安格斯黑牛/4片 (最佳食用熟度5分)

Angus Beef/4 slices • アンガスビーフ/4枚 • 앵커스 비프/사 조각
เนื้อแองกัส CAB จากอเมริกา / 4 ชิ้น • Bò đen Angus CAB Hoa Kỳ / 4 lát



美國Prime頂級牛梅花/4片 (最佳食用熟度5分)

U.S Prime Chuck Roll • 上肩ロース/4枚 • 미국산 소양지/사 조각
สันคอวัวเกรด Prime จากอเมริกา / 4 ชิ้น • Nạc vai bò cao cấp Prime Hoa Kỳ / 4 lát



美國Choice特級牛五花/8片 (最佳食用熟度7分)

Flank Beef/8 slices • 特上カルビ/8枚 • 미국산 소목심/8 조각
เนื้อวัวสามชั้น Choice จากอเมริกา / 8 ชิ้น • Thịt ba chỉ bò cao cấp Choice Hoa Kỳ / 8 lát



紐西蘭特級紐約客/6片 (最佳食用熟度7分)

New Zealand Sirloin/6 slices • ニューージーランド サーロイン/6枚 • 뉴질랜드산 채끝/6 조각
เนื้อวัวเกรดพรีเมียมจากนิวซีแลนด์ / 6 ชิ้น • Thịt ngoại thượng hạng New Zealand / 6 lát



精選豬嫩腿/6片 (須熟食)

Pork Slices/6 slices • ポークスライス/6枚 • 돼지 앞다리살/6 조각
ขาหมู / 6 ชิ้น • Giò heo non / 6 lát



精選豬五花/8片 (須熟食)

Slab Bacon/8 slices • 豚ばら肉/8枚 • 베이컨 삼겹살/8 조각
หมูสามชั้น / 8 ชิ้น • Thịt ba chỉ heo / 8 lát



紐澳頂級小肥羊/6片 (重組須熟食)

AU Mutton/6 slices • 最高級オーज़ラム/6枚 • 뉴질랜드와 호주 양 어께/6 조각
สันคอแกะจากนิวซีแลนด์และออสเตรเลีย/6ชิ้น • Thịt cừu non đẳng cấp New Zealand và Úc / 6 lát



港式花雕雞/150g (含酒成份)

Stir-fried Chicken with Chinese Sauce/150g • 鶏肉の紹興酒蒸込み/150g • 소흥 닭고기 조림/150g
ไก่ต้นหัวเต๋ยจิว / 150g • Gà Hua Diao kiểu Hồng Kông/150g



精選雞腿肉/150g (含酒成份)

Boneless Chicken Leg/150g • 骨なし鶏もも肉/150g • 소달다리살/150g
น่องไก่สด / 150g • Đùi gà / 150g

滷三寶-麻辣鍋的好朋友

Braised Snacks
煮込みスナック
찜 스텍
ต้มเคี้ยว
Bun Thân Của Lẩu Cay



綜合三寶/各半份
Mixed with/Each half
盛り合わせ/様々な半分
복잡한/반반
คั้น 3 เต็มรวมมิตร/อย่างละครึ่ง
Tổng hợp tam bảo / mỗi loại một nửa



滷肥腸/6個
Stewed Pork Intestine/6unit
腸煮込み/6つ
곱창간장조림/6개
ไส้ตันคั้น/6ชิ้น
Ruột om/6chiếc



滷牛筋/4個
Marinated Beef Tendon/4unit
牛筋煮込み/4つ
소힘줄조림/4개
เอ็นเนื้อคั้น/4ชิ้น
Gân bò om/4chiếc



滷牛肚/6個
Stewed Beef Belly/6 unit
牛モツ煮込み/6つ
부속간장조림/6개
เครื่องในคั้น/6ชิ้น
Lòng bò om/6chiếc



招牌多肉排骨酥/2個
Crispy Sparerib/2unit
スペアリブ唐揚げ/2つ
갈비튀김/2개
ซี่โครงทอดกรอบ/2ชิ้น
Sườn non chiên giòn/2chiếc

漁港直送海鮮

Seafood
シーフード
해물
อาหารทะเลส่งตรงจากท่าเรือ
hải sản



甜甜海蝦/2隻
White shrimp/2shimps
白エビ/2尾
자연산대하/2마리
กุ้งขาวจีน/2ตัว
Tôm biển hoang dã/2con



鮮鮮草蝦/2隻
Giant Grass Shrimp/2shimps
大海老/2尾
풀새우/2마리
กุ้งหญ้า/2ตัว
Tôm sú hoang dã/2con



鮮嫩巴沙魚/2片
Basa Fish/2 slices
パシャ魚/2枚
베트남메기/2조각
ปลาสดสด/2ตัว
Cá ba sa/2lát



極鮮鯛魚/2片
Tilapia, Sea Bream/2 slices
タイの切り身/2枚
도미살/2조각
ปลากะพงแดงสดจากท่าเรือตงก้ง/2ชิ้น
Cá hồng/2lát



金目鱸魚/2片
Sea Bass/2 slices
スズキ/2枚
농어살/2조각
ปลากะพง/2ชิ้น
Cá vược/2lát



帆立貝/2個
Scallop/2 unit
帆立貝/二つ
가리비/두 마리
หอยเชลล์ยักษ์ / 2 ตัว
Sò điệp / 3 con



組合大干貝/2個
Reconstituted Large Scallops/2unit
組合のホタテ/2つ
조개관자/2마리
หอยเชลล์ตัวใหญ่/2ตัว
Sò điệp lớn tổng hợp/2con



新鮮貽貝/2個
Mussels/2unit
ムール貝/2つ
홍합/2마리
หอยแมลงภู่/2ตัว
Vẹm xanh/2con



新鮮蛤蜊/6個
Clam/6unit
ハマグリ/6つ
조개/6마리
หอยดัลบจากตงชือ/6ชิ้น
Nghêu/6con



鮮魷魚/4個
Squid Wing/4 unit
茹でイカ/六つ
오징어 채/4 마리
ปลาหมึกสด / 4 ตัว
Mực ống tươi / 4 con



新鮮小卷2隻
Neritic Squid
イカ/2尾
한치/2마리
หมึกกล้วย/2ตัว
Mực con/2con



深海透抽/2隻
Squid/2unit
イカ/2つ
오징어/2마리
ปลาหมึกก้นแหลมสด/2ตัว
Mực ống/2con



美國火雞腓/2個
Chicken Testicles/2unit
鶏の金玉/2つ
미국산 칠면조 알집/2개
ลูกชิ้นชะโง่งจากอเมริกา/2ชิ้น
Mề gà tây Hoa Kỳ/2chiếc

手打鮮滑

Handmade Seafoodball
手作り海鮮丼
수제 씨푸드볼
ลูกชิ้นแฮนด์เมด
Don Hải Sản Tự Làm



手打鮮雞滑/1支
Chicken Paste/1 unit
チキンペースト/1つ
수제 닭고기 페이스트/한 마리
ลูกชิ้นไก่แฮนด์เมด/1แท่ง
Gà tươi sốt thủ công/1con



手打鮮蝦滑/1支
Shrimp Paste/1 unit
海老つくね/1つ
생새우 완자/1줄
ลูกชิ้นกุ้งแฮนด์เมด/1แท่ง
Tôm tươi sốt thủ công/1con



手打花枝滑/1支
Squid Paste/1 unit
イカつくね/1つ
감오징어 완자/1줄
ลูกชิ้นปลาหมึกแฮนด์เมด/1แท่ง
Mực nang sốt thủ công/1con

當季鮮菇

Mushrooms
きのこ
버섯
เห็ด
Nấm tươi mùa



綜合鮮菇/各半份
Mixed with/Each half
盛り合わせ/様々な半分
복잡한/반반
เห็ดสดตามฤดูกาล/อย่างละครึ่ง
Nấm tươi tổng hợp/mỗi loại một nửa



美白菇/40g
White Marmoreus/40g
白ナシメジ/40g
화이트 버섯/40g
เห็ดเข็มเงิน / 40g
Nấm trắng / 40g



袖珍菇/40g
Oyster Marmoreus/40g
ヒラタケ/40g
느타리 버섯/40g
เห็ดนางรม/40g
Nấm sò/40g



金針菇/40g
Enoki Mushrooms/40g
エノキダケ/40g
팽이버섯/40g
เห็ดเข็มทอง/40g
Nấm kim châm/40g



綜合鮮菇/各半份
Mixed with/Each half
盛り合わせ/様々な半分
복잡한/반반
เห็ดสดตามฤดูกาล/อย่างละครึ่ง
Nấm tươi tổng hợp/mỗi loại một nửa



鴻喜菇/40g
Hypsizigus Marmoreus/40g
ブナシメジ/40g
느티만가닥버섯/40g
เห็ดเข็มจริง/40g
Nấm ngọc châm/40g



杏鮑菇/40g
King Oyster Mushroom/40g
エリンギ/40g
새송이버섯/40g
เห็ดนางรมหลวง/40g
Nấm đùi gà/40g



野生雲耳/6個
Black Fungus/6unit
키クラ게/6つ
목이버섯/6개
เห็ดหูหนู/6หัว
Mộc nhĩ/6chiếc

季節時蔬

Vegetables
野菜
채소
ผัก
Rau củ



高麗菜/100g
Cabbage/100g
キャベツ/100g
양배추/100g
กะหล่ำปลี/100g
Bắp cải/100g



青江菜/40g
Bok Choy/40g
チンゲンサイ/40g
청경채/40g
ผักกาดขาวปลีเมล็ด /40g
Rau cải xanh / 40g



娃娃菜/2個
Baby Cabbage/2unit
ベビーキャベツ/2つ
알배추/2개
เบบี้ผักกาดขาว/2หัว
Bắp cải non/2chiếc



福山萵苣/40g
Lettuce/40g
レタス/40g
상추/40g
ผักกาดหอมฟูกยามะ/40g
Xà lách Fukuyama/40g



水蓮/40g
Water Snowflake/40g
山菜/40g
조름나물/40g
ผักสายพลวง/40g
Sen nước/40g



絲瓜/2個
Loofah/2unit
糸瓜/2つ
수세미오이/2개
รังขม/2ลูก
Mướp hương/2chiếc



牛番茄/2個
Tomato/2unit
トマト/2つ
토마토/2개
มะเขือเทศมีผลเล็ก/2ลูก
Cà chua to/2quả



玉米筍/2個
Baby Corn/2unit
スコーン/2つ
꼬마 옥수수/2개
ข้าวโพดอ่อน/2ฝัก
Ngô bao tử/2cái



日式南瓜/2個
Pumpkin/2unit
かぼちゃ/2つ
호박/2개
ฟักทองญี่ปุ่น/2ลูก
Bí đỏ kiểu Nhật/2cái



大甲芋頭/2個
Taro/2unit
紫芋/2つ
토란/2개
เผือกผิง/2ลูก
Khoai môn Đại Giáp



玉米/2個
Corn/2unit
コーン/2つ
옥수수/2개
ข้าวโพด/2ฝัก
Ngô ngọt/2bắp

經典鍋物

Ingredients of Hot Pot
鍋物
냄비의 재료
ส่วนผสมหม้อไฟ
Lẩu



經典老油條/2個
Fried Dough Stick/2unit
油揚げスティック/2つ
유타오/2개
ฟองเต้าหู้/2ชิ้น
Quẩy rán/2cái



新鮮嫩豆包/2個
Fresh Bean Curd Parcels/2 unit
生湯葉/2つ
유부/2마리
ฟองเต้าหู้/2ชิ้น
Bánh đậu tươi/2chiếc



手工炸豆捲/2個
Deep-fried Bean Curd Rolls/2 unit
揚げ湯葉/2つ
유부 말이 튀김/2마리
ข่อยจ้อแผ่นทอด/2ชิ้น
Cướn đậu chiên/2chiếc



招牌凍豆腐/2個
Frozen Tofu/2unit
凍とうふ/2つ
얼린 두부/2개
เต้าหู้แช่แข็ง/2ชิ้น
Đậu phụ đông lạnh/2chiếc



手作米血糕/2個
Pork Blood Glutinous Rice Cake/2unit
もち米と血の煮こり/2つ
선지 찰떡/2개
เค้กเลือดหมู (จูเสียดา)/2ชิ้น
Bánh huyết/2cái



基隆甜不辣/2個
Tempura/2unit
てんぷら/2つ
어묵/2개
เทมปุระจืด/2ชิ้น
Chả cá/2cái

涮嘴丸餃包

Dumplings & Meatballs Combo
餃子とミートボールのコンボ
만두 & 미트볼 콤보
คอมโบเกี๊ยวและลูกชิ้น
Bánh Bao



綜合丸/各2個
Mixed with/Each half
盛り合わせ/様々な半分
복잡한/반반
ลูกชิ้นรวมมิตร/อย่างละ2ชิ้น
Thịt viên tổng hợp/mỗi loại 2 cái



黃金魚丸/2個
Golden Fried Fish Ball/2 unit
練り物の團子/二つ
피쉬볼 튀김/두 마리
ลูกชิ้นปลาสีทอง / 2 ชิ้น
Cá viên vàng / 2 cái



香菇貢丸/2個
Handmade Fried Meat Ball/2 unit
手作りミートボール/2つ
사천식 완자/두 마리
ลูกชิ้นเห็ดหอม / 2 ชิ้น
Thịt viên nấm / 2 viên



經典牛肉丸/2個
Beef Ball/2unit
ぎゅうにくボール/2つ
소고기 완자/2마리
ลูกชิ้นเนื้อคาลาสสิก/2ชิ้น
Bò viên/2cái



九層塔花枝丸/2個
Squid Ball/2 unit
イカボール/二つ
오징어볼/두 마리
ลูกชิ้นใบโหระพา / 2 ชิ้น
Viên mực húng quế / 2 viên



綜合餃/各2個
Mixed with/Each half
盛り合わせ/様々な半分
복잡한/반반
เกี๊ยวซ่ารวมมิตร/อย่างละ2ชิ้น
Há cảo tổng hợp/mỗi loại 2 cái



手工蛋餃/2個
Egg Dumplings/2unit
卵餃子/2つ
달걀 만두/2개
เกี๊ยวไข่แอนด์เบต/2ชิ้น
Há cảo trứng thủ công/2cái



手工水晶餃/2個
Fish Dumplings/2 unit
魚餃子/2つ
수제 생선 만두/2 마리
เกี๊ยวคริสตัลแซนด์เบต / 2 ชิ้น
Há cảo pha lê / 2 cái



基隆三記魚餃/2個
Fish Dumplings/2unit
手作り魚餃子/2つ
수제 생선 만두/2개
เกี๊ยวปลาชั้นจี้จากจังหวัด/2ชิ้น
Chả cá Tam Kỳ Cơ Long/2chiếc



綜合包/各2個
Mixed with/Each half
盛り合わせ/様々な半分
복잡한/반반
แพ็กเกจรวมมิตร/อย่างละ2ชิ้น
Combo há cảo/mỗi loại 2chiếc



日式蟹腿/2個
Crab Sticks/2unit
和風蟹棒/2つ
일식 게맛살/2마리
ซาปูปรุงรสแบบญี่ปุ่น/2ชิ้น
Chân cua kiểu Nhật/2chiếc



日式龍蝦包/2個
Lobster Salad Ball/2unit
ロブスターサラダ入りの団子/2つ
샐러드 랍스타볼/2 마리
กุ้งมังกรปรุงรสแบบญี่ปุ่น/2ชิ้น
Há cảo tôm hùm kiểu Nhật/2chiếc



爆漿起士包/2個
Cheese Ball/2 unit
チーズボール/二つ
치즈 풍당완자/두 마리
ซีสโลว์เบิต / 2 ชิ้น
Bánh bao phô mai nhiều nhân / 2 cái



日式魚包蛋/2個
Japanese Egg Wraps With Fish/2unit
和風魚の卵入りツクネ/2つ
일본식생선알 어묵/2마리
ไข่ห่อปลาแบบญี่ปุ่น/2ชิ้น
Trứng nhồi cá kiểu Nhật/2cái



手工燕餃/2個
Pork Dumplings/2uni
豚肉餃子/2つ
수제 고기 만두/2마리
เกี๊ยวหมูแอนด์เบต/2ชิ้น
Há cảo yến/2cái

想要加鍋底

Bottom of Hot Pot
鍋底
냄비 바닥
ก้นหม้อร้อน
Nước dùng



麻辣嫩鴨血(水血)/3個
Spicy Tender Duck Blood/3 unit
スパイシーなアヒルの血/3つ
매운 오리 피/3마리
เลือดเป็ดก่อนหม่าล่า/3ก้อน
Tiết canh vịt cay tê/3cái



麻辣豆腐/4個
Spicy Big Tofu/4unit
スパイシービッグ豆腐/4つ
매운 큰 두부/4개
เต้าหู้หม่าล่า/4ชิ้น
Đậu phụ cay/4cái



東北酸菜/150g
Pickled Chinese Cabbage/150g
白菜のピクルス/150g
절인 배추/150g
ผักกาดดองดงเป่ย์/150g
Dưa chua Đông Bắc/150g



膠原蛋白/3顆
Collagen/3unit
コラーゲン/3粒
콜라겐/3개
คอลลาเจน/3ชิ้น
Collagen/3viên

好吃的飯

Delicious rice
美味しいご飯
맛있는 밥
ข้าวอร่อย
Cơm ngon



白飯/1碗
Rice/1 bowl
ご飯/1ボウル
흰쌀밥/1그릇
ข้าวเปล่า / 1 ถ้วย
cơm trắng



海苔味島香鬆飯/1碗
Wei Tao Nori Floss Rice/1 bowl
味島ふりかけ 海苔香味お食事/1ボウル
웨이다오 상송, 김 맛 /1그릇
ข้าวหอมปรุงรสสาหร่าย / 1 ถ้วย
Cơm Việt Quang vị rong



安格斯牛黑咖哩飯/1份
Angus beef curry
안가스ビー프카레
앵거스 쇠고기 카레
แกงกะหรี่เนื้อวัวแองกัส
Cà ri bò Angus đen